

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/6/2025

“V/v: Yêu cầu ly hôn và
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 651/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 35B Trần Quang D, phường Thống N, thành phố P, tỉnh G. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 35B Trần Quang D, phường Thống N, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng Toàn qua tìm hiểu và đi đến hôn nhân, chúng chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2013 tại UBND phường Đông V, thành phố Thanh H, tỉnh Thanh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi

vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng nhạt dần. Mâu thuẫn mỗi lúc một tăng, mặc cho gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm hay có trách nhiệm gì với ai. Do vậy, anh chị không thể quay lại chung sống như lúc đầu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T.

- Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng Khôi N, sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 13/02/2019. Ly hôn, Chị có nguyện vọng nuôi các con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Trọng T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều O.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Trọng T được ly hôn và giao con chung là các cháu Nguyễn Trọng Khôi N và Nguyễn Ngọc Gia H cho chị Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Trọng T, cư trú tại: 35B Trần Quang D, phường Thống N, thành phố P, G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Nguyễn Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường phường Đông V, thành phố Thanh H cấp giấy chứng nhận vào năm 2013, Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 23/4/2013, Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị O và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị O cho rằng giữa vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng anh chị đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được, đến nay các bên đã không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 24/7/2023 (Bút lục số 24) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Thống N, thành phố P, tỉnh G, do ông Hàn Ngọc B, tổ trưởng tổ 2 cung cấp: “*Ông Nguyễn Trọng T và vợ là bà Nguyễn Thị Kim O là công dân có HKTT, sinh sống tại 35B Trần Quang D, phường Thống N, thành phố P, G, tại thời điểm xác minh ông T và bà O vẫn đang cư trú tại địa phương, còn về tình trạng hôn nhân của chị O và anh T tại địa phương chưa có điều tiếng gì và vẫn sinh hoạt bình thường tại địa phương*”. Tòa án đã triệu tập anh T nhưng anh T cũng không có bất kỳ ý kiến gì khi chị O yêu cầu ly hôn với anh, mặc dù anh đã nhận các thông báo hợp lệ về việc chị Nguyễn Thị Kiều O yêu cầu được ly hôn với anh, điều này chứng minh anh T cũng đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này và cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều O.

[3] Về con chung: Chị O và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trọng Khôi N, sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày: 13/02/2019. Ly hôn chị O có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy yêu cầu của chị O là phù hợp, vì các cháu Nguyễn Trọng Khôi N và Nguyễn Ngọc Gia H hiện đang sống cùng với mẹ và cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, vì vậy xét thấy nên giao các con cho chị O tiếp tục chăm sóc giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến.

[5] Về án phí: Chị O là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều O.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều O và anh Nguyễn Trọng T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng Khôi N, sinh ngày 28/01/2014 và Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày: 13/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Kiều O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi cháu Nguyễn Trọng Khôi N và Nguyễn Ngọc Gia H thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0000588 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Chị O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/6/2025), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP. P;
- TAND tỉnh G;
- UBND Phường Đông V,
Thành phố Thanh H.
(Giấy CNKH số 82 ngày 23/4/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Hồng